

NGÀY THI: 17/12/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	TIỀN QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (C)				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	H	M	F	SỐ	CHỮ	
					15	15	15	55	100		
1	179212893	Đỗ Minh Bảo	D17XDD	THR 341 A	8	8	7	5	6.2	Sáu phẩy Hai	
2	161215097	Trịnh Quốc Đạt	K16XCD2	THR 341 A	8	8	7	6	6.8	Sáu phẩy Tám	
3	152212638	Trần Huỳnh Đúng	K15XDD1	THR 341 A	9	6	7	7	7.2	Bảy phẩy Hai	
4	161215108	Ngô Hoàng Duy	K16XCD1	THR 341 A	3	6	7	4	4.6	Bốn phẩy Sáu	
5	142211212	Lê Trung Hiếu	K14XDD1	THR 341 A	7	8	7	6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
6	162213241	Nguyễn Văn Hoàng	K16XDD1	THR 341 A	3	8	7	5	5.5	Năm phẩy Năm	
7	132214463	Hà Xuân Hùng	K14XDD1	THR 341 A	1	0	0	4	2.4	Hai phẩy Bốn	
8	152212718	Trần Ngọc Nam	K15XDD2	THR 341 A	4	6	7	4	4.8	Bốn phẩy Tám	
9	162213271	Hoàng Nguyễn Ngọc	K16XDD2	THR 341 A	6	8	7	5	5.9	Năm phẩy Chín	
10	162216913	Phan Văn Phát	K16XDD1	THR 341 A	7	6	7	5	5.8	Năm phẩy Tám	
11	152212640	Nguyễn Ngọc Phương	K15XDD2	THR 341 A	4	8	7	4	5.1	Năm phẩy Một	
12	152212636	Phạm Hồng Thái	K15XDD2	THR 341 A	3	8	7	4	4.9	Bốn phẩy Chín	
13	162213309	Nguyễn Hoành Thống	K16XDD3	THR 341 A	8	6	7	6	6.5	Sáu phẩy Năm	
14	179212942	Phan Quốc Việt	D17XDD	THR 341 A	5	8	7	4	5.2	Năm phẩy Hai	
15	152316364	Nguyễn Văn Vỹ	K16XDD1	THR 341 A	2	6	7	V	0.0	Không	

LẬP BẢNG

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 01 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

ThS. Nguyễn Ân